TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17-12-2024
V/v Tranh chấp Ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân

2. Ông Thái Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh: Bà Phạm Hải Yến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 558/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp Ly hôn và con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 90/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10-12-2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Giang H, sinh năm 1979; trú tại: Tổ H, ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1979; trú tại: Tổ H, ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bà H vắng mặt có đơn xin vắng mặt, ông N có mặt tại Toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 18-9-2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Giang H trình bày:

Bà H và ông Nguyễn Văn N chung sống với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Qua 13 năm chung sống với

nhau, gia đình không hạnh phúc, ông N luôn rượu chè, bài bạc và có mối quan hệ bất chính với nhiều phụ nữ khác bên ngoài, vay nợ khắp nơi làm ảnh hưởng đến uy tín của bà H. Ông N đã cầm cố và bán rất nhiều tài sản trong gia đình. Thời gian qua bà H đã cố gắng làm lo cho gia đình và trả nợ do ông N gây ra. Thời gian gần đây ông N thường chửi mắng và đánh đập bà H, doạ giết cả 2 mẹ con, bà H cũng đã trình báo Công an xã làm việc với ông N và ông N cũng đã cam kết nhưng ông vẫn như vậy không thay đổi. Tình cảm vợ chồng cũng không còn, không thể tiếp tục chung sống, không hạnh phúc nên bà H xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã T, sinh ngày 04-9-2014. Hiện con chung đang sống với mẹ, bà H xin nuôi con chung không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian chung sống và kết hôn. Về mâu thuẫn của vợ chồng là do ông đã làm sai với vợ con, ông còn thương vợ con không đồng ý ly hôn. Nguyên nhân của việc ly hôn là do vợ ông có người đàn ông khác, nhiều lần ông bắt gặp và tin nhắn trong điện thoại thể hiện, bản thân ông đã sửa đổi, bỏ hết những gì sai phạm lo làm cho gia đình vợ con nhưng vợ không chung thuỷ, yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung như bà H trình bày là đúng. Không yêu cầu giải quyết con chung. Nếu Toà cho ly hôn thì con theo ai người đó nuôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Tại phiên Toà:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Giang H đối với ông Nguyễn Văn N.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã T, sinh ngày 04-9-2014. Hiện con chung đang sống với mẹ, bà H xin nuôi cháu T có sự đồng ý của con chung, ông N cũng đồng ý giao con chung cho bà H nên cần giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, bà H ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà H vắng mặt có đơn xin vắng mặt, ông N có mặt tại Toà. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông N chung sống với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Qua 13 năm chung sống với nhau, gia đình không hạnh phúc, ông N luôn rượu chè, bài bạc và có mối quan hệ bất chính với nhiều phụ nữ khác bên ngoài, vay nợ khắp nơi làm ảnh hưởng đến uy tín của bà H. Ông N đã cầm cố và bán rất nhiều tài sản trong gia đình. Bà H đã cố gắng làm lo cho gia đình và trả nợ do ông N gây ra. Thời gian gần đây ông N thường chưởi mắng và đánh đập bà H, doạ giết cả 2 mẹ con, bà H cũng đã trình báo Công an xã làm việc với ông N và ông cũng đã cam kết nhưng vẫn không thay đổi. Tình cảm vợ chồng cũng không còn, không thể tiếp tục chung sống, không hạnh phúc nên bà H xin ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà H ông N chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong mối quan hệ vợ chồng chung sống cần có sự gần nhau, chia sẻ, đồng cảm, quan tâm chăm sóc, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau và cùng có trách nhiệm với gia đình, con cái. Ông N không có sự chia sẻ và đồng cảm, không lo làm ăn lo cho gia đình, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh

phúc, không có trách nhiệm với gia đình. Hiện bà H không còn tình cảm với ông N, không thương yêu nhau, bà H đã có cuộc sống riêng cho mình ổn định, ông bà đã có thời gian sống ly thân không hàn gắn được mối quan hệ vợ chồng nên yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ chấp nhận.

Ông N trình bày mâu thuẫn của vợ chồng là do ông đã làm sai với vợ nhưng đó là thời gian trước đây, nay ông đã sửa đổi có trách nhiệm với gia đình lo làm ăn mong muốn gia đình hạnh phúc bên nhau, vợ con là rất cần với ông, nhiều lần ông năn nỉ vợ nhưng không được, ông còn thương vợ con nhiều, ông sẽ sửa đổi những sai trái của mình và có trách nhiệm với gia đình vợ con, ông không đồng ý ly hôn. Ông N xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, tình cảm của bà H không còn, không thể chung sống được, cuộc sống trong hôn nhân không còn hạnh phúc nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông N.

Từ phân tích trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã T, sinh ngày 04-9-2014. Hiện cháu Nhã T đang sống với mẹ, bà H xin nuôi con chung, có ý kiến đồng ý của cháu Nhã T nên giao con chung cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: bà H phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 146, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Giang H đối với ông Nguyễn Văn N. Bà Nguyễn Thị Giang H được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã T, sinh ngày 04-9-2014. Giao cháy Nhã T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Ông N được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Bà H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Bà H ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Giang H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009735 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, bà H đã nộp đủ án phí.

"Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA DS huyện Châu Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (S).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cái Thị Minh Tâm